



## BẢN TIN THAN NGÀY

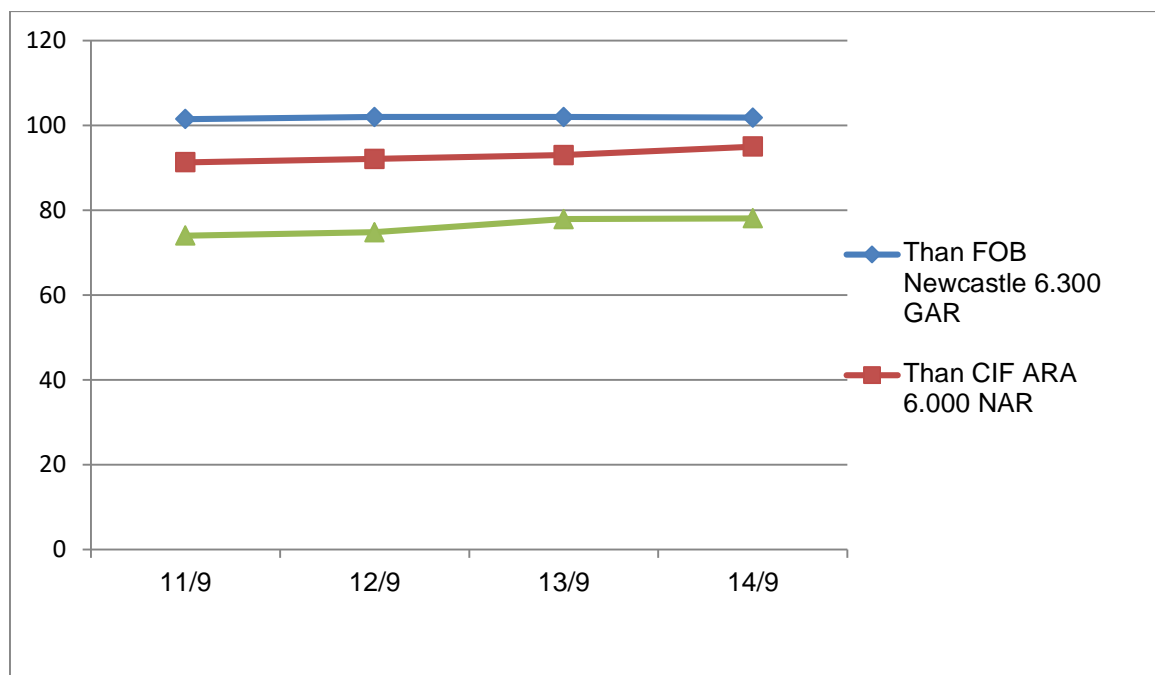
Ngày 19/09/2017

### CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	101,85	-0,15	100,15	-0,15
CIF ARA 6.000 NAR	95,00	+2,00	93,70	+2,90
FOB Richards Bay 5.500 NAR	78,10	+0,20	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	78,50	+0,25
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	64,00	+0,25

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	52,25	+ 0,25	399,18	+ 3,43
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	71,00	+ 0,00	542,44	+2,08
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	84,50	+ 0,50	645,57	+6,27

### GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2017



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 14/09/2017)

## **ĐIỂM TIN**

### **Giá than nhiệt Châu Á hồi phục nhờ nhu cầu từ Trung Quốc**

Khách hàng Trung Quốc và Ấn Độ trở lại thị trường đã đẩy giá lên cao trong thứ Năm tuần trước, đánh dấu bằng một số giao dịch mua than Indonesia. Một công ty Singapore cho biết công ty này đã ký một hợp đồng giao hàng trong tháng Mười, trên tàu có cầu, than nhiệt trị 4.200 kcal/kg GAR, hoặc 3.800 kcal/kg NAR với 0,5% lưu huỳnh đến Trung Quốc với giá 44,50 USD/tấn FOB than Kalimantan. Một số khách hàng Ấn Độ sẵn sàng mua than Indonesia 3.800 NAR ở mức 45 USD/tấn FOB, giao trên tàu có cầu giao hàng nửa cuối tháng Chín.

Một công ty khai thác của Indonesia cho biết đã giao dịch thành công hôm thứ Tư tuần trước một lô hàng đến Trung Quốc, giao hàng trong tháng Mười trên tàu có cầu cho than nhiệt trị 3.800 kcal/kg NAR ở mức 44,80 USD/tấn FOB, và hai chuyến hàng tương tự cho các khách hàng khác nhau với mức giá 45 USD/tấn.

Ngoài ra, một số chuyến hàng than nhiệt trị 3.400 kcal/kg NAR hoặc 3.800 kcal/kg GAR, giao hàng trong tháng Mười đang ở mức 37 USD/tấn FOB giao trên tàu có cầu.

Một công ty Singapore nhận định: "Giá cả hiện nay đang bị thổi phồng lên". Giá cả hợp lý cho than nhiệt trị 4.200 kcal/kg GAR chỉ ở mức 42 USD/tấn FOB.

Một công ty ở Indonesia cho biết: "Nếu giá cả tăng quá nhanh thì nguy cơ giảm mạnh cũng có thể xảy ra, một vài công ty cố gắng đẩy giá bán trên thị trường lên cao hơn, nhưng chúng tôi vẫn đang thận trọng".

Trong khi đó, một công ty ở Ấn Độ cho biết đã ký kết một lô hàng giao trên tàu có cầu, trong tháng Chín cho than nhiệt trị 4.200 kcal/kg GAR ở mức 44,65 USD/tấn FOB. Tuy than giao cho tháng Mười đã có sẵn nhưng các nhà cung cấp vẫn muốn giữ hàng đến phút cuối nhằm chờ đợi giá trên thị trường tăng. Mặc dù các khách hàng Ấn Độ mới bắt đầu giao dịch trở lại nhưng khi có yêu cầu, vẫn không có lô hàng giao lẻ nào. Than nhiệt trị 3.800 kcal/kg GAR hiện đang chào bán ở mức 39 USD/tấn FOB, tuy nhiên có thể giảm xuống mức 37 USD/tấn.

### **Giá than nội địa Trung Quốc tăng**

Tại Trung Quốc, giá than nội địa tăng lên đã khiến khách hàng tăng giá thầu cho than Australia nhiệt trị 5.500 kcal/kg NAR, mặt hàng không bị ảnh hưởng bởi chính sách hạn chế than nhập khẩu tại một số cảng Trung Quốc. Tại cảng phía Bắc Qinhuangdao, giá than nhiệt nội địa 5.500 kcal/kg NAR cuối tuần trước được chào bán với mức giá cao nhất là 660 NDT tấn FOB, cao hơn so với mức 650 NDT/tấn đầu tuần, và tăng 20 NDT/tấn so với tuần trước đó. Ngoài ra các cuộc kiểm tra an toàn tại mỏ của chính phủ Trung Quốc đang làm giảm sản lượng than tại Trung Quốc. Giá than tại Qinhuangdao đã đạt mức cao nhất kể từ tháng Tư, dẫn đến những dự đoán rằng Bắc Kinh có thể thực hiện các biện pháp làm dịu đi thị trường trong nước. Người mua Trung Quốc có thể chấp nhận giá thầu ở mức 75 USD/tấn FOB cho than Newcastle giao trong tháng Mười, nhiệt trị 5.500 kcal/kg NAR với độ tro cao, mặc dù giá 73 USD/tấn được coi là mức giá chấp nhận được đối với khách hàng Trung Quốc. Giá chào bán từ những nhà sản xuất than Australia trong tháng Mười, tàu Capesize cho loại than nhiệt trị như trên ở mức 78 USD/tấn và 80 USD/tấn FOB, than Newcastle. Trong khi đó các báo cáo về hạn chế nhập khẩu than tại cảng Guangzhou đều rất mơ hồ và không chắc chắn. Các tàu neo đậu đợi lấy hàng tại cảng Guangzhou cũng như Fangcheng đã tăng lên đáng kể, dẫn đến sự chậm trễ kéo dài tại hai cảng này.

### **Biểu tình phản đối dự án khai thác than lớn nhất của Úc**

Các nhà hoạt động môi trường đã bắt đầu biểu tình phản đối dự án khai thác than của Adani trong vòng một tuần kể từ thứ Hai. Họ tin rằng dự án sẽ phá hủy Great Barrier Reef của Úc và góp phần vào tình trạng nóng lên toàn cầu. Dự án khai thác than trị giá 16,5 tỷ AUD (tương đương 13,20 tỷ USD) đã bị trì hoãn hơn năm năm do những thách thức về môi trường, cư dân địa phương lo ngại dự án sẽ gây ra thiệt hại rạn san hô, biến đổi khí hậu và tác động đến nguồn nước tự nhiên.

Bất chấp sự phản đối của người dân, dự án đã khởi động giai đoạn đầu trị giá 3,2 tỷ USD trong tháng Tám. Các nhóm hoạt động phản đối như Frontline Action on Coal và Reef Defenders bắt đầu

các cuộc biểu tình tại Bowen, thuộc vùng Whitsunday của Queensland, nơi có rạn san hô. Ông Paul Jukes, một nông dân và hướng dẫn viên du lịch ở Whitsunday cho biết các cuộc biểu tình bắt đầu bằng một cuộc diễu hành nhưng có thể mở rộng sang hành động trực tiếp như ngăn cản các thiết bị hoạt động.

Dự án nằm ở vùng Galilee Basin với diện tích 247.000 km vuông (95.000 dặm vuông) ở trung tâm với tiềm năng trở thành vùng sản xuất than lớn nhất của Úc. Adani cho biết dự án sẽ tạo ra 10.000 việc làm trực tiếp và gián tiếp. Than khai thác từ mỏ sẽ được xuất khẩu sang Ấn Độ. Mỏ nằm cách cảng xuất khẩu 400 km (250 dặm). Adani đang tìm kiếm khoản vay ưu đãi của Chính phủ trị giá 900 triệu AUD (720 triệu USD) để xây dựng tuyến đường sắt liên kết với cảng. Chính phủ Úc đang cân nhắc việc cấp khoản vay cho Adani thông qua Cơ quan quản lý Cơ sở hạ tầng Bắc Australia – NAIF nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế ở các vùng nông thôn.

(Nguồn: Platts)

## **CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ**

<b>Cỡ tàu</b>	<b>Điểm xuất phát</b>	<b>Điểm đến</b>	<b>Cước phí</b>	<b>Đơn vị: USD/tấn</b> <b>Thay đổi</b>
<b>Capesize</b> (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	9,65	+0,25
	Queensland	Nhật Bản	11,15	+0,25
	New South Wales	Hàn Quốc	11,50	+0,25
<b>Panamax</b> (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,95	+0,10
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	9,25	+0,25
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	13,45	+0,20
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,15	+0,25
	Úc	Trung Quốc	12,50	+0,30
	Úc	Ấn Độ	14,45	+0,45

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 14/09/2017)